TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LÀO CAI** **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2018/HNGĐ-ST
Ngày 12 – 9 – 2018
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LÀO CAI, TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lan Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Ngân;

2. Bà Lê Thị Đào Dương;

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Khánh Nguyệt – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai *tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 92/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2018 về việc: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2018/QĐXX-ST ngày 17 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 35/2018/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2018, giữa :

1. Nguyên đơn**:** Chị Nguyễn Thị D - Sinh năm 1979. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Ngõ 144, đường L, tổ 12, phường D, thành phố L, tỉnh Lào Cai

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh S - Sinh năm 1965. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Địa chỉ: Ngõ 144, đường L, tổ 12, phường D, thành phố L, tỉnh Lào Cai

NỘI D VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:

Chị và anh Nguyễn Thanh S kết hôn với nhau ngày 09/4/2010 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Yên Bái trên cơ sở tự nguyên. Quá trình chung sống với nhau vợ chồng sống vui vẻ hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do làm ăn kinh tế không thuận lợi, vợ chồng cảm thấy không còn hạnh phúc nữa. Chị D, anh S đã sống ly thân từ tháng 12/2017 đến nay, không ai quan tâm đến ai về tình cảm cũng như kinh tế. Đến nay, chị D nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị D đề nghị Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thanh S.

Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có ba người con chung là cháu Nguyễn Ngọc Á, sinh ngày 27/11/1998; cháu Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 04/01/2003 và cháu Nguyễn Quang H, sinh ngày 15/6/2005. Cháu Nguyễn Ngọc Á đã trưởng thành nên chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn chị D có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc A đến đủ 18 tuổi, anh S là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Quang H đến đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho bên nào.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị D không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Thanh S trình bày:

Anh Nguyễn Thanh S công nhận những gì chị Nguyễn Thị D trình về thời gian, điều kiện và địa điểm đăng ký kết hôn như chị D trình bày là đúng sự thật. Anh S và chị D chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, làm ăn kinh tế không thuận lợi. Chị D bỏ nhà ra ngoài ở từ tháng 12/2017 đến nay, không ai quan tâm đến ai về tình cảm cũng như kinh tế. Tuy nhiên, anh S nhận thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, con của anh chị còn nhỏ, cần sự nuôi dưỡng, giáo dục của cả hai bố mẹ nên anh S không nhất trí ly hôn, nguyện vọng đoàn tụ gia đình.

Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có ba người con chung là cháu Nguyễn Ngọc Á, sinh ngày 27/11/1998; cháu Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 04/01/2003 và cháu Nguyễn Quang H, sinh ngày 15/6/2005. Do hiện nay anh S sức khỏe yếu, bị thoái hóa cột sống và thoát vị đĩa đệm và không có công ăn việc làm nên không có đủ khả năng nuôi các con do đó nếu phải ly hôn anh cũng không nhất trí nuôi dưỡng cháu Nguyễn Quang Hà đến đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Anh Nguyễn Thanh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Thanh S vẫn nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và tham gia tố tụng tại tòa, xong khi tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử anh S không có mặt tại địa phương. Qua xác minh được biết khoảng từ cuối tháng 6/2018, anh S không có mặt tại địa phương, hiện nay không biết anh S làm gì, ở đâu. Tòa án đã thực hiện thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai phát biểu quan điểm: Đây là vụ án *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai thụ lý là đúng thẩm quyền. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự đã được thực hiện theo đúng trình tự thủ tục tố tụng.

Về nội dung vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 2 Điều 227; Khoản 1, khoản 3 Điều 228; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị D. Xử cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn với anh Nguyễn Thanh S. Giao cháu Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 04/01/2003 cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp, nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục đến đủ 18 tuổi. Giao cháu Nguyễn Quang H, sinh ngày 15/6/2005 cho anh Nguyễn Thanh S trực tiếp, nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục đến đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị D không yêu cầu nên không xem xét gải quyết. Tuyên án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn nộp đầy đủ các chứng cứ theo quy định. Tranh chấp cần giải quyết trong vụ án là tranh chấp hôn nhân gia đình, theo khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 – Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai. Bị đơn anh Nguyễn Thanh S đã được Tòa án tống đạt, niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự, thông báo phiên họp kiểm việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, chị Nguyễn Thị D vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Thanh S vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Thanh S.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị D trên cơ sở căn cứ lời khai của đương sự, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy:

Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Thanh S kết hôn với nhau ngày 09/4/2010 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Yên Bái trên cơ sở tự nguyện. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Thanh S là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng anh chị hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân

là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, việc làm ăn kinh tế gặp nhiều khó khăn nên vợ chồng không có tiếng nói chung. Từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra xích mích, cãi cọ nhau, tình cảm vợ chồng cũng không còn được như trước. Chị D và anh S đã sống ly thân từ tháng 12/2017 đến nay, không có quan hệ gì về tình cảm và kinh tế. Mặc dù vợ chồng anh chị đã được bạn bè, gia đình hòa giải, khuyên bảo nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được. Đến nay chị Nguyễn Thị D xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thanh S. Do vậy cần chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị D là có căn cứ, phù hợp theo Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có ba người con chung là cháu Nguyễn Ngọc Á, sinh ngày 27/11/1998; cháu Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 04/01/2003 và cháu Nguyễn Quang H, sinh ngày 15/6/2005. Cháu Nguyễn Ngọc Á đã đủ tuổi trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị D đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Ngọc A đến đủ 18 tuổi và giao cháu Nguyễn Quang Hà cho anh Nguyễn Thanh S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho bên nào. Xét yêu cầu của chị Nguyễn Thị D và nguyện vọng của hai cháu Nguyễn Ngọc A và Nguyễn Quang H cũng như tại bản tự khai ngày 13/7/2018, cháu Nguyễn Ngọc A có nguyện vọng được ở với chị D vì cháu cho rằng chị D có điều kiện chăm sóc cháu tốt hơn, đây cũng là nguyện vọng của chị D khi yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra cháu Ánh là con gái nên cần giao cháu Nguyễn Ngọc A cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Tại bản tự khai ngày 13/7/2018, cháu Nguyễn Quang H trình bày nguyện vọng được ở với anh S. Tuy nhiên, tại biên bản hòa giải ngày 30/7/2018, anh Nguyễn Thanh S trình bày hiện nay đang ốm đau, bệnh tật, không có khả năng lao động nên không thể nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, cha mẹ phải có nghĩa vụ thương yêu con, chăm lo việc học tập, giáo dục để con phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức, trở thành người con hiếu thảo của gia đình, công dân có ích cho xã hội, trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con là trách nhiệm và nghĩa vụ của cha mẹ. Vì vậy, cần phải giao cháu Nguyễn Quang H cho anh Nguyễn Thanh S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu đến đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại Điều 69, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị D đề nghị không bên nào phải cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung cho bên nào do chị D và anh S mỗi người đã được giao nuôi một cháu. Hội đồng xét xử xét thấy việc cấp dưỡng nuôi con là quyền và nghĩa vụ của cha mẹ, cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Tuy nhiên chị D đã được giao trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ngọc A, anh S đã được giao trực tiếp nuôi dưỡng cháu H. Ngoài ra cả chị D và anh S đều là lao động

tự do, không có công việc ổn định nên không bên nào phải cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung cho bên nào là phù hợp.

[4] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu tiền án phí ly hôn theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn ly hôn của chị Nguyễn Thị D .

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D được ly hôn với anh Nguyễn Thanh Sơn.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 04/01/2003 cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp, nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Giao cháu Nguyễn Quang H, sinh ngày 15/6/2005 cho anh Nguyễn Thanh S trực tiếp, nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Không bên nào phải cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung cho bên nào. Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Thanh S có quyền đi lại trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000VNĐ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000VNĐ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005070 ngày 18/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai. Chị Nguyễn Thị D đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị D , bị đơn anh Nguyễn Thanh S được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;
- VKSND (2);
- UBND xã M,
huyện T, tỉnh Yên Bái;
- Chi cục THADS TP;
- Các đương sự;
- Lưu HS - Tập án.

Nguyễn Thị Lan Phương